









# Differential Equations

## AP Calculus BC · Vocabulary

English	中文	Pinyin
 differential equation	微分方程	wēi fēn fāng chéng
 slope field	斜率场	xié lǜ chǎng
 Euler's method	欧拉方法	ōu lā fāng fǎ
 separable	可分离	kě fēn lí
 initial condition	初始条件	chū shǐ tiáo jiàn
 exponential growth or decay	指数增长	zhǐ shù zēng zhǎng
 logistic model	逻辑斯蒂模型	luó jí sī dì mó xíng
 carrying capacity	环境容纳量	huán jìng róng nà liàng